

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2024.

“V/v Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Ngọc Côn

Ông Phạm Văn Chữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Chung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGD ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXX -HNGD ngày 10 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGD ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/5/2024, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị C1 bày: Chị và anh Trần Văn G kết hôn với nhau từ ngày 09/7/2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau,

thường xuyên bất đồng quan điểm và anh G có quan hệ ngoại tình. Nay chị xác định tình hình vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn G.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị H, sinh năm 2004; Trần Thu H1, sinh ngày 07/02/2008; Trần Thị Diệu L, sinh ngày 27/8/2012 và Trần Thị Phương L1, sinh ngày 27/8/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã trên 18 tuổi, đã lấy chồng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh G1 thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn G vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án đã niêm yết và giao cho mẹ để anh G thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao để anh G biết đến làm việc tại Tòa án; tuy gia đình anh G2 thông báo bằng điện thoại cho anh G biết nhưng anh G không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh G.

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2024, bà Vương Thị H2 – mẹ đẻ anh G cho biết: Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh G3 Tòa án làm việc bà đã thông báo cho anh G nhưng anh G không có ý kiến gì, bà cũng không biết hiện anh G đang làm gì, ở đâu.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung cháu H1, cháu Diệu L và cháu Phương L1 đều trình bày có nguyện vọng được ở cùng chị C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Đặng Thị C trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng:

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị C2 ly hôn với anh Trần Văn G.
- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thu H1, sinh ngày 07/02/2008; Trần Thị Diệu L, sinh ngày 27/8/2012 và Trần Thị Phương L1, sinh ngày 27/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn G4 quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.
- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị Đặng Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị C3 kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn và con chung với anh Trần Văn G4 nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Đặng Thị C và anh Trần Văn G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 09/7/2003, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị C và anh Trần Văn G5 hợp pháp. Phía chị C4 định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm và anh G có quan hệ ngoại tình và vợ chồng đã sống ly thân. Phía anh G6 Tòa án tổng đạt hợp lệ tuy nhiên anh G không đưa ra quan điểm ý kiến về việc chị C ly hôn. Qua xác minh với mẹ đẻ anh G5 bà Vương Thị H2, bà H2 xác định vợ chồng chị C, anh G có mâu thuẫn lý do mâu thuẫn thì bà H2 không rõ. Bà H2 cũng khuyên bảo anh G, chị C nhiều lần nhưng không đoàn tụ được, Hiện chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. HĐXX thấy: Thực tế chị C và anh G không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, không sống chung cùng nhau là không đảm bảo theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị C và anh G2 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Trần Văn G.

[4]. Về con chung: Vợ chồng chị Đặng Thị C và anh Trần Văn G có 04 con chung là Trần Thị H, sinh năm 2004, Trần Thu H1, sinh ngày 07/02/2008, Trần

Thị Diệu L, sinh ngày 27/8/2012 và Trần Thị Phương L1, sinh ngày 27/8/2012. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi 03 con chung là cháu H1, cháu Diệu L và cháu Phương L1, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã trên 18 tuổi, đã lấy chồng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh G đã được thông báo về việc chị C ly hôn và ý kiến về con chung tuy nhiên không có ý kiến gì. Xét chị C có thu nhập và nơi ở ổn định, hiện các con chung đều ở cùng chị C, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung cần giao cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thu H1, sinh ngày 07/02/2008, Trần Thị Diệu L, sinh ngày 27/8/2012 và Trần Thị Phương L1, sinh ngày 27/8/2012 theo Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Trần Văn G4 quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đối với cháu Trần Thị H đã trên 18 tuổi và lấy chồng, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đặng Thị C5 ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị C6 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 3; 6; 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị C2 ly hôn với anh Trần Văn G.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đặng Thị C7 tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thu H1, sinh ngày 07/02/2008; Trần Thị Diệu L, sinh ngày 27/8/2012 và Trần Thị Phương L1, sinh ngày 27/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị C6 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đặng Thị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006185 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, xác nhận chị C đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Thanh Hải;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Công Định